

Số: 12/TB-TTr

Hà Nội, ngày 30 tháng 04 năm 2024

THÔNG BÁO

Về việc mời đơn vị, tổ chức thẩm định giá giá dịch vụ cho thuê xe và phân tích mẫu phục vụ lập dự toán các gói thầu nghiệp vụ của Thanh tra Sở Nông nghiệp và PTNT Hà Nội

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 6336/QĐ-UBND ngày 12/12/2023 của thành phố Hà Nội về việc giao chỉ tiêu Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán thu, chi ngân sách năm 2024 của thành phố Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 2383/QĐ-SNN ngày 29/12/2023 của Sở Nông nghiệp và PTNT Hà Nội về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2024;

Thanh tra Sở Nông nghiệp và PTNT Hà Nội thông báo về việc mời đơn vị, tổ chức thẩm định giá dịch vụ phục vụ lập dự toán các gói thầu nghiệp vụ của Thanh tra Sở, cụ thể như sau:

1. Thông tin về tài sản:

STT	Nội dung thẩm định giá	Ghi chú
1	Thẩm định giá giá cung cấp dịch vụ thuê xe ô tô	
2	Thẩm định giá giá dịch vụ Phân tích và kiểm nghiệm các chỉ tiêu phân bón	
3	Thẩm định giá giá dịch vụ Phân tích và kiểm nghiệm các chỉ tiêu thức ăn chăn nuôi và thuốc thú y	
4	Thẩm định giá giá dịch vụ Phân tích chỉ tiêu an toàn thực phẩm đối với các sản phẩm nông, lâm sản và thủy sản	

(Có phụ lục chi tiết kèm theo)

2. Lựa chọn tổ chức thẩm định giá:

- **Nội dung công việc:** Tư vấn, xác định giá trị tài sản làm cơ sở để Thanh tra Sở Nông nghiệp và PTNT Hà Nội xác định giá gói thầu theo quy định.

- Tiêu chí lựa chọn tổ chức thẩm định giá tài sản:

+ Doanh nghiệp đủ điều kiện hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, Luật Giá, có Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá do Bộ Tài chính cấp, có tên trong Thông báo của Bộ Tài chính về việc công bố Danh sách thẩm định viên về giá đủ điều kiện hành nghề thẩm định giá tài sản năm 2024 tại các doanh nghiệp thẩm định giá và hiện tại đang duy trì đủ điều kiện hành nghề theo quy định của Bộ Tài chính.

+ Giá dịch vụ thẩm định giá trọn gói (đã bao gồm các chi phí đi khảo sát, thu thập thông tin để thẩm định giá tài sản,...)

+ Gửi báo giá đầy đủ theo nội dung tại Mục 3 Thông báo này trong thời hạn quy định tại Thông báo này.

+ Có mức giá chào thấp nhất; Trường hợp có nhiều tổ chức thoả mãn điều kiện và có mức chào giá bằng nhau thì tổ chức xét lựa chọn theo năng lực hành nghề của các doanh nghiệp nộp hồ sơ.

3. Hồ sơ gồm:

- Hồ sơ năng lực: Bản sao các tài liệu: Giấy đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hành nghề, thẻ thẩm định viên về giá, thông báo đủ điều kiện hành nghề năm 2024, kinh nghiệm hoạt động.

- Báo giá chi phí thẩm định giá tài sản.

4. Thời gian, địa điểm nhận hồ sơ:

- Thời gian nhận hồ sơ: 05 ngày làm việc kể từ ngày Thông báo được đăng trên trang thông tin điện tử của Sở Nông nghiệp và PTNT Hà Nội (*trong giờ hành chính*).

- Địa điểm nộp hồ sơ: Bộ phận Văn thư của Thanh tra Sở Nông nghiệp và PTNT Hà Nội, số 143 Hồ Đắc Di, phường Quang Trung, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội hoặc nhận qua địa chỉ email: ktthanhtasonn@gmail.com

- Trường hợp đơn vị gửi hồ sơ đến Thanh tra Sở Nông nghiệp và PTNT Hà Nội, số 143 Hồ Đắc Di, phường Quang Trung, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội theo đường bưu điện sẽ được tính theo dấu bưu điện với điều kiện Thanh tra Sở Nông nghiệp và PTNT Hà Nội nhận được hồ sơ trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày Thông báo được đăng trên trang thông tin điện tử của Sở Nông nghiệp và PTNT Hà Nội.

- Quy cách hồ sơ: 01 bộ bản sao có đóng dấu của doanh nghiệp để trong phong bì có dán niêm phong đối với hồ sơ nộp trực tiếp; Trường hợp gửi bằng đường điện tử qua email: hồ sơ bản Scan (file .PDF) tương tự như bản nộp trực tiếp và phải có đầy đủ thông tin liên hệ; Trường hợp được lựa chọn sẽ xuất trình bản gốc để đối chiếu (nếu cần thiết).

Thanh tra Sở Nông nghiệp và PTNT Hà Nội thông báo để các đơn vị, tổ chức thẩm định giá quan tâm đăng ký tham gia.

Trân trọng cảm ơn! 

Nơi nhận:

- Giám đốc Sở (để b/c);
- Lãnh đạo Thanh tra Sở;
- Văn phòng Sở (để p/h đăng tin);
- Lưu: VT, TCHC.





Nguyễn Thị Kim Quế

Phụ lục:
Khối lượng đề nghị thẩm định giá dịch vụ cung cấp thuê xe ô tô

(Kèm theo Thông báo số 12/TB-TTr ngày 30/01/2024 của Thanh tra Sở Nông nghiệp và PTNT Hà Nội)

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng
1	Thuê xe phục vụ công tác thanh tra, kiểm tra: Xe ô tô là xe 7 chỗ như Inova, Fortuner, Ford Everest,... đời từ 2017 trở đi với quãng đường di chuyển trong nội thành, ngoại thành Hà Nội và 1 số tỉnh lân cận theo yêu cầu của công việc. Quãng đường di chuyển dưới 100km/2 chiều/ngày xe; Khung thời gian di chuyển của 1 chuyến linh động trong ngày không kể ngày hay đêm	Ngày	300
2	Thuê xe phục vụ công tác thanh tra, kiểm tra: Xe ô tô là xe 7 chỗ như Inova, Fortuner, Ford Everest,... đời từ 2017 trở đi với quãng đường di chuyển trong nội thành, ngoại thành Hà Nội và 1 số tỉnh lân cận theo yêu cầu của công việc. Quãng đường di chuyển từ 100km - dưới 250km/2 chiều/chuyến/ngày xe; Khung thời gian di chuyển của 1 chuyến linh động trong ngày không kể ngày hay đêm	Ngày	334

/

11/01/2024

Phụ lục:

Khối lượng đề nghị thẩm định giá dịch vụ Phân tích và kiểm nghiệm các chỉ tiêu phân bón

(Kèm theo Thông báo số 12/TB-TTr ngày 30/01/2024 của Thanh tra Sở Nông nghiệp và PTNT Hà Nội)

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng
	Kinh phí phân tích mẫu		
1	Nhóm phân bón vô cơ, phân bón lá và Phân bón vô cơ khác		1.470
	Hàm lượng Nito (tổng số, NH_4^+ , NO_3^-), Kali tổng số, Kali hữu hiệu	Chỉ tiêu	280
	Hàm lượng Phospho tổng số, Phospho hữu hiệu	Chỉ tiêu	140
	Chỉ tiêu trung, vi lượng (S, SiO_2 , Ca...)	Chỉ tiêu	210
	Chỉ tiêu trung, vi lượng (Cu,Fe, Zn, Mg,Mo,Mn,Bo, Ni, Co...)	Chỉ tiêu	560
	Chỉ tiêu các yếu tố hạn chế trong phân bón (Cd, Pb...)	Chỉ tiêu	140
	Chỉ tiêu các yếu tố hạn chế trong phân bón (As..)	Chỉ tiêu	70
	Chỉ tiêu các yếu tố hạn chế trong phân bón (Biure)	Chỉ tiêu	70
2	Nhóm phân bón hữu cơ, hữu cơ khoáng, hữu cơ vi sinh và phân bón khác....		1670
	pH	Chỉ tiêu	70
	Ẩm độ	Chỉ tiêu	70
	Chỉ tiêu hữu cơ: (Hữu cơ, Humic, Fulvic...)	Chỉ tiêu	210
	Hàm lượng Nito (tổng số, NH_4^+ , NO_3^-), Kali tổng số, Kali hữu hiệu	Chỉ tiêu	280
	Hàm lượng Phospho tổng số, Phospho hữu hiệu	Chỉ tiêu	140
	Chỉ tiêu trung lượng (S, SiO_2 , Ca...)	Chỉ tiêu	210
	Chỉ tiêu vi lượng (Cu,Fe, Zn, Mg,Mo,Mn,Bo, Ni, Co ...)	Chỉ tiêu	560
	Vi sinh vật cố định Nito	Chỉ tiêu	20
	Vi sinh vật phân giải phospho	Chỉ tiêu	20
	Vi sinh vật phân giải Cellulose	Chỉ tiêu	20
	Chỉ tiêu các yếu tố hạn chế trong phân bón (Cd, Pb)	Chỉ tiêu	140
	Chỉ tiêu các yếu tố hạn chế trong phân bón (As..)	Chỉ tiêu	70
	Chỉ tiêu vi sinh vật hại (Ecoli, Sammonela ...)	Chỉ tiêu	140
	TỔNG CỘNG		

Phụ lục:

Khối lượng đề nghị thẩm định giá dịch vụ Phân tích và kiểm nghiệm các chỉ tiêu thức ăn chăn nuôi và thuốc thú y

(Kèm theo Thông báo số 12/TB-TTr ngày 30/01/2024 của Thanh tra Sở Nông nghiệp và PTNT Hà Nội)

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng
	Kinh phí phân tích, kiểm nghiệm mẫu thức ăn chăn nuôi		
1	Phân tích, kiểm nghiệm mẫu thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm, thủy sản	Mẫu	100
1.1	<i>Chất lượng:</i>		
	Độ ẩm	Chỉ tiêu	100
	Protein thô	Chỉ tiêu	100
	Can xi	Chỉ tiêu	100
	Phốt pho tổng số	Chỉ tiêu	100
	Xơ thô	Chỉ tiêu	100
	Threonine tổng số	Chỉ tiêu	60
	Lysine tổng số	Chỉ tiêu	100
	Methionine + Cystine	Chỉ tiêu	100
	Ethoxyquin	Chỉ tiêu	10
1.2	<i>Kháng sinh</i>		
	Tetracycline	Chỉ tiêu	100
	Enrofloxacin	Chỉ tiêu	100
	Tylosine	Chỉ tiêu	100
	Chloramphenicol	Chỉ tiêu	100
1.3	<i>Hormone, chất cấm</i>		
	Clenbuterol	Chỉ tiêu	60
	Salbutamol	Chỉ tiêu	50
	Ractopamine	Chỉ tiêu	50
	Vat Yellow2 (Auramine O)	Chỉ tiêu	50
1.4	<i>Kim loại nặng</i>		
	As	Chỉ tiêu	100
	Pb	Chỉ tiêu	100
	Cd	Chỉ tiêu	100
	Hg	Chỉ tiêu	100
1.5	<i>Vi sinh vật</i>		
	Coliforms	Chỉ tiêu	100
	E.coli	Chỉ tiêu	100
1.6	<i>Độc tố nấm mốc</i>	Chỉ tiêu	
	Tổng số các Aflatoxin	Chỉ tiêu	100
1.7	<i>Salmonella</i>	Chỉ tiêu	100
2	Phân tích, kiểm nghiệm thức ăn bổ sung gia súc, gia cầm		
	Phân tích các chỉ tiêu vitamin trong 25 mẫu thức ăn chăn nuôi bổ sung	Chỉ tiêu	100
	Phân tích các chỉ tiêu Axitamin trong thức 25 mẫu thức ăn chăn nuôi bổ	Chỉ tiêu	75
3	Kinh phí phân tích, kiểm nghiệm mẫu thuốc thú y		
	Định tính	Chỉ tiêu	40
	Định lượng chất hỗn hợp	Chỉ tiêu	40
	Định lượng đơn chất	Chỉ tiêu	40

Phụ lục:

Khối lượng đề nghị thẩm định giá dịch vụ Phân tích chỉ tiêu an toàn thực phẩm đối với các sản phẩm nông, lâm sản và thủy sản

(Kèm theo Thông báo số 12/TB-TTr ngày 30/01/2024 của Thanh tra Sở Nông nghiệp và PTNT Hà Nội)

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng
	Kinh phí phân tích		
1	Chi phí Phân tích các chỉ tiêu trong 80 mẫu rau, nấm ăn	Mẫu	80
	- Dư lượng thuốc bảo vệ thực vật (7 hoạt chất: 5 hoạt chất nhóm Pyrethroid (822.150 đồng/ hoạt chất đầu tiên, từ chất thứ 2 -5 là 316.050 đồng/hoạt chất), 2 hoạt chất nhóm khác (857.850 đồng/hoạt chất)	Mẫu	80
	- Ecoli	Chỉ tiêu	80
	- Salmonella	Chỉ tiêu	80
	<i>Kim loại nặng</i>		
	- Chì	Chỉ tiêu	80
	- Cadmi	Chỉ tiêu	80
	- Asen	Chỉ tiêu	80
	- Thủy ngân	Chỉ tiêu	80
2	Kinh phí phân tích, xét nghiệm mẫu thịt động vật, giò chả, xúc xích, jambong...		
*	<i>Phân tích, xét nghiệm các chỉ tiêu mẫu thịt gia súc 65 mẫu</i>	Mẫu	70
	- Hàm lượng nhóm Beta agonist (Clenbuterol, Salbutamol, Ractopamine)	Chỉ tiêu	210
	- Chỉ tiêu Salmonella	Chỉ tiêu	70
	- Hàm lượng Chloramphenicol	Chỉ tiêu	70
*	<i>Phân tích, xét nghiệm các chỉ tiêu mẫu thịt gia cầm</i>	Mẫu	65
	- Hàm lượng Cholesterol	Chỉ tiêu	65
	- Hàm lượng Chloramphenicol	Chỉ tiêu	65
	- Chỉ tiêu Salmonella	Chỉ tiêu	65
*	<i>Phân tích, xét nghiệm các chỉ tiêu mẫu giò, chả, xúc xích, jam bong...</i>	Mẫu	35
	- Hàm lượng acid Benzoic và acid Sorbac	Chỉ tiêu	35
	- Hàm lượng: Pb, Cd	Chỉ tiêu	35
3	Kinh phí phân tích, xét nghiệm mẫu thủy hải sản		
*	<i>Kinh phí phân tích, xét nghiệm mẫu thủy sản nuôi nước ngọt 60 mẫu</i>	Mẫu	60
	- Dư lượng kháng sinh Chloramphenicol	Chỉ tiêu	60

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng
-	Kim loại nặng: Chì (Pb)	Chỉ tiêu	60
-	Kim loại nặng Asen (As)	Chỉ tiêu	60
-	Chỉ tiêu Salmonella	Chỉ tiêu	60
*	<i>Kinh phí phân tích, xét nghiệm mẫu thủy hải sản khai thác 70 mẫu.</i>	Mẫu	70
-	Dư lượng kháng sinh Chloramphenicol	Chỉ tiêu	70
-	Dư lượng Malachite Green và Leucomalachite Green	Chỉ tiêu	70
-	Kim loại nặng: Thủy ngân (Hg)	Chỉ tiêu	70
-	Kim loại nặng: Chì (Pb)	Chỉ tiêu	70
-	Kim loại nặng: Asen (As)	Chỉ tiêu	70
-	Nitrofurantoin (AOZ, AMOZ)	Chỉ tiêu	70
-	Chỉ tiêu Salmonella	Chỉ tiêu	70
4	Kinh phí phân tích, xét nghiệm mẫu quả các loại 50 mẫu	Mẫu	50
-	Dư lượng thuốc bảo vệ thực vật (7 hoạt chất: 5 hoạt chất nhóm Pyrethroid (822.150 đồng/ hoạt chất đầu tiên, từ chất thứ 2 -5 là 316.050 đồng/hoạt chất), 2 hoạt chất nhóm khác (857.850 đồng/hoạt chất)	Mẫu	50
	Kim loại nặng		
-	Chì (Pb)	Chỉ tiêu	50
-	Cadmi (Cd)	Chỉ tiêu	50
-	Arsen (As)	Chỉ tiêu	50
-	Thủy ngân (Hg)	Chỉ tiêu	50
5	Phân tích các chỉ tiêu nước mắm	Mẫu	25
-	Hàm lượng Asen	Chỉ tiêu	25
-	Hàm lượng Đạm tổng số	Chỉ tiêu	25
6	Phân tích các chỉ tiêu cà phê	Mẫu	5
	Ochratoxin A	Chỉ tiêu	5
	Arsen (As)	Chỉ tiêu	5
	Cadmi (Cd)	Chỉ tiêu	5
	Chì (Pb)	Chỉ tiêu	5
	Thủy ngân (Hg)	Chỉ tiêu	5
7	Kinh phí phân tích mẫu chè các loại 10 mẫu	Mẫu	10
-	Dư lượng thuốc bảo vệ thực vật (7 hoạt chất: 5 hoạt chất nhóm Pyrethroid (822.150 đồng/ hoạt chất đầu tiên, từ hoạt chất thứ 2 - 5 là 316.050 đồng/hoạt chất), 2 hoạt chất nhóm khác (857.850 đồng/hoạt chất)	Mẫu	10
-	4 chỉ tiêu kim loại nặng	Mẫu	10
	Chì (Pb)	Chỉ tiêu	10
	Cadmi (Cd)	Chỉ tiêu	10
	Asen	Chỉ tiêu	10
	thủy ngân	Chỉ tiêu	10